

Chính sách đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan và một số gợi ý cho Việt Nam

NGUYỄN HẢI ĐĂNG*

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (OFDI) của Thái Lan đã bắt đầu được thực hiện từ cuối những năm 1980, nhưng cho đến sau năm 2000, hoạt động này mới thực sự gia tăng mạnh mẽ, giúp Thái Lan mở rộng phạm vi đầu tư tại nhiều quốc gia trên thế giới. Có được kết quả này, ngoài năng lực vốn của các doanh nghiệp, các yếu tố hợp tác khu vực, thì không thể không kể đến chính sách khuyến khích của Chính phủ đã thúc đẩy các doanh nghiệp Thái Lan đầu tư ra nước ngoài. Với sự tương đồng trong cùng một khu vực, những kinh nghiệm của Thái Lan trong vấn đề này sẽ là bài học quý báu cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

KINH NGHIỆM CỦA THÁI LAN

Xu hướng phát triển

Thái Lan không phải là nhà đầu tư nước ngoài lớn nếu so sánh với một số nước đang phát triển, như: Brazil, Trung Quốc, Malaysia, nhưng đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan đang tăng dần và nền kinh tế này có nhiều triển vọng để trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn trong thời gian tới. Dòng OFDI của các doanh nghiệp Thái đã tăng từ 12,9 triệu USD năm 1980 lên 3,9 tỷ USD năm 2005, đưa Thái Lan đứng thứ 26 trong số các nhà đầu tư là các nền kinh tế mới nổi (UNCTAD, 2006). Cho đến năm 2018, vốn OFDI của Thái Lan ở nước ngoài đã lên tới 199 tỷ Baht, tương đương gần 7 tỷ USD, tăng 58% so với năm 2017 (BOT, 2018). Đa số vốn OFDI của Thái Lan được thực hiện bởi các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp đã được niêm yết công khai trên thị trường chứng khoán.

Doanh nghiệp quốc tế hóa thông qua OFDI không phải là hiện tượng mới đối với Thái Lan. OFDI của Thái Lan được thực hiện từ những năm 1950, nhưng vẫn bị giới hạn trong ba thập niên đầu tiên. Sự

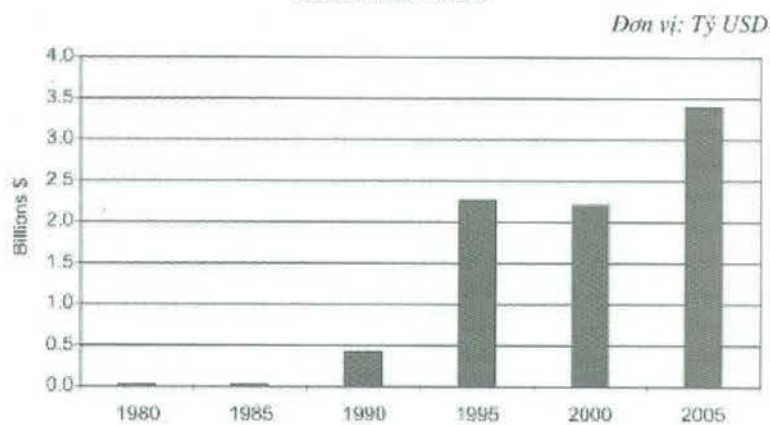
thiếu hiểu biết trong kinh doanh quốc tế, khung pháp lý OFDI hạn chế và số lượng doanh nghiệp Thái Lan với năng lực không cao về quốc tế hóa, như: việc thiếu lợi thế sở hữu, đã khiến tỷ lệ đầu tư ở nước ngoài thấp trong giai đoạn đầu tiên này... OFDI Thái Lan trở thành hiện tượng chỉ sau cuối những năm 1990 (Biểu đồ 1).

Quá trình phát triển đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan có thể được chia thành các giai đoạn như sau:

Trước năm 2005

Giai đoạn đầu tiên (giai đoạn khởi đầu) trước nửa đầu thập niên 1980 đã chứng kiến một lượng vốn đầu

BIỂU ĐỒ 1: QUÁ TRÌNH GIA TĂNG VỐN OFDI CỦA THÁI LAN TRƯỚC NĂM 2005



Nguồn: UNCTAD (2006)

* TS., Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam

từ Thái Lan hạn chế ở nước ngoài. Phần lớn OFDI trong giai đoạn này là đến một vài quốc gia chủ yếu, như: Hoa Kỳ, Hồng Kông (Trung Quốc), Singapore và Nhật Bản. Bốn nền kinh tế này chiếm hơn 85% vốn đầu tư của Thái Lan ở nước ngoài (UNCTAD, 2006). Trong thời gian này, OFDI của Thái Lan sang châu Âu là không đáng kể. Phần lớn OFDI của Thái Lan ở giai đoạn này được thực hiện bởi các tổ chức tài chính dưới sự kiểm soát vốn chặt chẽ của Chính phủ tại thời điểm đó, điều này đã thúc đẩy các ngân hàng Thái Lan thành lập các chi nhánh ở nước ngoài trong giao dịch với các quốc gia và các trung tâm tài chính, như: Hồng Kông, Singapore. OFDI trong sản xuất và tìm kiếm tài nguyên là không đáng kể. Các doanh nghiệp Thái với năng lực có hạn và chủ yếu tập trung xây dựng nền tảng vững chắc ở trong nước là nguyên nhân hạn chế dòng OFDI trong suốt giai đoạn này.

Giai đoạn thứ hai (giai đoạn cất cánh) diễn ra từ năm 1986 đến 1996 khi OFDI của Thái Lan tăng nhanh cả về khối lượng và phạm vi đầu tư. Các công ty Thái Lan mạo hiểm đầu tư xa hơn đến các địa điểm, như: Úc, Canada và Maldives, cũng như các nước châu Âu và các trung tâm tài chính nước ngoài (Quần đảo Cayman và Quần đảo Virgin thuộc Anh). Trong khi Hoa Kỳ và Hồng Kông (Trung Quốc) tiếp tục là các những nước nhận đầu tư lớn từ Thái Lan, các nước châu Á khác, đặc biệt là các nước ASEAN đã nổi lên như một điểm đến quan trọng.

Mặc dù khu vực ASEAN nói chung là điểm đến chính cho OFDI của Thái Lan, sự quan tâm của các doanh nghiệp Thái Lan trong việc đầu tư vào Trung Quốc tăng nhanh. Sự gần gũi về địa lý và mối quan hệ văn hóa, cùng với hội nhập khu vực (AFTA) và khát vọng của các công ty Thái Lan có mặt nhiều hơn trong khu vực, đóng vai trò ảnh hưởng đến việc tập trung địa lý của OFDI của Thái Lan. Lợi thế chi phí và quy mô thị trường lớn, bao gồm các cơ hội đầu tư và kinh doanh ở Trung Quốc và các nước ASEAN khác, góp phần vào sự quan tâm ngày càng tăng của các công ty Thái Lan để đầu tư hoặc có mặt tại các nước chủ nhà. Đặc biệt, các nước ASEAN có chi phí thấp (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) đã thu hút được một lượng đáng kể vốn OFDI từ Thái Lan.

Giai đoạn thứ ba (giai đoạn tác động khủng hoảng tài chính): Năm 1997-2002 đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh mẽ của OFDI do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính.

Trong thời gian này, OFDI của Thái Lan sang Trung Quốc, châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc) và Hoa Kỳ giảm đáng kể, nguồn vốn này vào ASEAN trong giai đoạn cũng giảm 36% về mặt tuyệt đối, so với giai đoạn trước khủng hoảng tài chính (1986-1996) (UNCTAD, 2006).

Các công ty Thái Lan vay nhiều ngoại tệ để tài trợ cho việc mở rộng doanh nghiệp đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng khi đồng Baht được thả nổi

vào năm 1997 và sau đó, bị mất giá chưa từng thấy so với các ngoại tệ chính. Tình trạng này làm tăng đáng kể nghĩa vụ nợ của các công ty Thái Lan bằng đồng nội tệ và một số công ty phải tái cơ cấu nợ của họ với các chủ nợ hoặc bán tài sản ở nước ngoài của họ.

Trong giai đoạn khủng hoảng này, việc hợp nhất doanh nghiệp để cải thiện tình hình tài chính và đảm bảo sự sống còn trên thị trường nội địa là điều cần thiết đối với các công ty. Do đó, nhiều doanh nghiệp Thái Lan đã giảm hoạt động OFDI. Sự phát triển của OFDI ở giai đoạn này được đặc trưng bởi sự thu hẹp đáng kể khoảng cách giữa các dòng vốn ra (dòng vốn chủ sở hữu và giải ngân các khoản vay nội bộ cho các công ty Thái Lan ở nước ngoài) và dòng vốn vào (hỗ trợ vốn chủ sở hữu và trả nợ nội bộ các khoản vay của các công ty Thái Lan ở nước ngoài cho công ty mẹ ở Thái Lan).

Giai đoạn thứ tư (giai đoạn phục hồi). Năm 2003 đánh dấu sự phục hồi của OFDI Thái Lan ra nước ngoài. ASEAN và Trung Quốc là vẫn tiếp tục là những điểm đến chính. OFDI vào châu Âu và Mỹ bắt đầu tăng nhưng vẫn ở mức thấp. Sản xuất là lĩnh vực sôi động nhất đối với OFDI của Thái Lan. Tăng trưởng kinh tế mạnh hơn ở nội địa đã cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp.

Kể từ khi bước vào giai đoạn phục hồi năm 2003, dòng vốn OFDI đã chạm tới đỉnh vào năm 2010 với số vốn đạt 205,246 tỷ Baht, gấp hơn 10 lần mức đỉnh năm 1996 trước khi chịu tác động của khủng hoảng (BOT, 2006-2018) (Biểu đồ 2).

Sau năm 2005

Theo BOT (2006-2018), sau thời kỳ suy giảm của các khoản OFDI của Thái Lan do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thái Lan đã tăng liên tục từ năm 2005-2010, từ 551 triệu USD năm 2005 lên 8,1 tỷ USD trong năm 2010. Điều này thể hiện mức tăng ấn tượng gấp 15 lần vốn FDI của Thái Lan trong 5 năm; Vốn OFDI của Thái Lan trong giai đoạn này tập trung vào một số ngành và theo vị trí địa lý. Dòng vốn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và năng lượng trong khi ngành dịch vụ chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số vốn đầu tư. Các quốc gia thành viên ASEAN và Trung Quốc vẫn là những

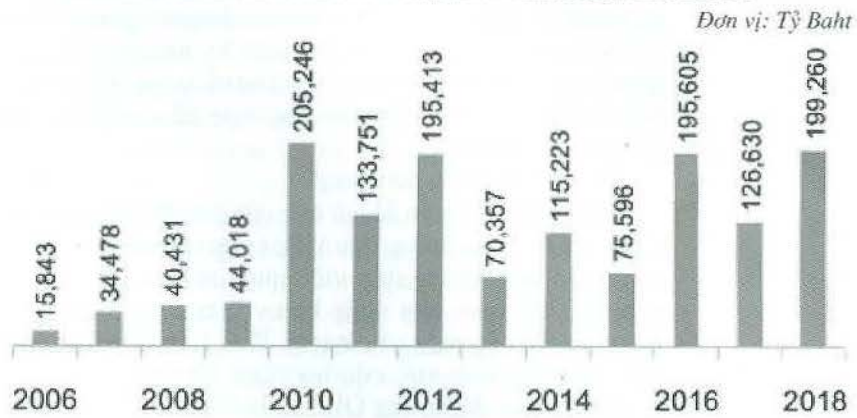
nước nhận đầu tư lớn của Thái Lan, trong khi châu Âu và Hoa Kỳ có mức tăng chậm hơn. Tốc độ của OFDI bắt đầu tăng lên kể từ khi tình hình tài chính và năng lực kinh doanh ở nước ngoài của các công ty Thái Lan được cải thiện sau cuộc khủng hoảng. Trong thời gian này, hầu hết các dòng OFDI chủ yếu là đầu tư vốn tư nhân và do các doanh nghiệp lớn thực hiện.

Với tốc độ phát triển này, Thái Lan đã trở thành một quốc gia có dòng vốn ròng vào năm 2011-2012 và đạt mức lưu chuyển ra ngoài cao nhất là 205,246 tỷ Baht vào năm 2010. Tuy nhiên, dòng vốn này đã giảm đáng kể trong năm 2013-2015 do tăng trưởng kinh tế thấp và tình hình chính trị đầy biến động tại Thái Lan. Một số công ty Thái Lan đã quyết định hoãn hoặc hủy kế hoạch đầu tư ở nước ngoài của họ để đối phó với tình hình kinh doanh tại nước mình. Từ năm 2016, tình hình kinh tế và chính trị căng thẳng đã được giảm bớt và đầu tư ra nước ngoài đã trở lại thời kỳ phục hồi, đạt 13,4 tỷ USD trong năm 2016 (Biểu đồ 2).

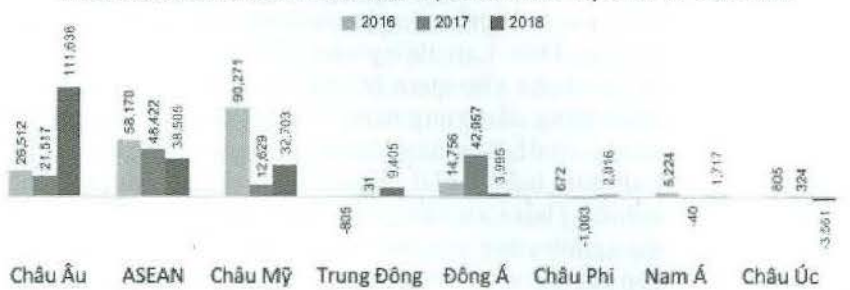
Nhìn chung, trong giai đoạn 2006-2018, vốn OFDI của Thái Lan tập trung chủ yếu ở 3 ngành là: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm; Tài nguyên; Các ngành công nghiệp. Điển hình như trong năm 2016, ngành nông nghiệp và thực phẩm có giá trị OFDI ròng cao nhất (61,895 tỷ Baht), vượt qua tài nguyên là ngành luôn đứng đầu trong nhiều thập kỷ qua. Bên cạnh đó, tài nguyên và ngành công nghiệp được xếp hạng thứ hai và thứ 3 về giá trị vốn OFDI trong năm 2016, có giá trị ròng OFDI lần lượt là 56,810 tỷ Baht và 29,894 tỷ Baht (BOT, 2006-2018).

Trong những năm 2016-2018, châu Mỹ, châu Âu và ASEAN vẫn là những địa điểm đầu tư quan trọng của dòng vốn OFDI của Thái Lan về lượng vốn. Ngoài ra, các MNC Thái Lan đã dần chuyển vốn sang một số quốc gia ở Đông Á và Trung Đông cũng như các quốc gia có chính sách thuế ưu đãi. Vào cuối năm 2016, ASEAN là điểm đến đầu tư chính với 78% trong tổng số 198 doanh nghiệp thực hiện OFDI. Trong đó, nhóm các nước CLMV, một tiểu vùng có tốc độ tăng trưởng cao, thu hút 116 doanh nghiệp, tương đương 59% tổng số doanh nghiệp Thái Lan thực hiện OFDI (Biểu đồ 3).

BIỂU ĐỒ 2: VỐN OFDI CỦA THÁI LAN GIAI ĐOẠN 2006-2018



BIỂU ĐỒ 3: OFDI CỦA THÁI LAN TẠI CÁC KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI



Nguồn: BOT (2006-2018)

Chính sách hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan

Theo Ủy ban Đầu tư Thái Lan (BOI), trong kế hoạch chiến lược 5 năm của BOI (2013-2017), BOI thay đổi nhiệm vụ của mình từ việc thúc đẩy đầu tư vào nước ngoài thành một chương trình thúc đẩy cả đầu tư trong và ngoài nước. Cụ thể, Thái Lan đã thực hiện các chính sách như sau:

Các biện pháp và hỗ trợ thể chế, pháp lý

Thái Lan đã tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp Thái Lan thực hiện OFDI và là cơ sở bảo vệ được quyền lợi cho nhà đầu tư Thái Lan ở nước ngoài. Cho đến nay, Chính phủ đã ký kết 39 hiệp định đầu tư song phương và 56 hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nền kinh tế đối tác và ký kết các thỏa thuận khu vực khác nhau (AFTA, Khu vực đầu tư ASEAN, Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ) và các hiệp định FTA song phương (với Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, New Zealand), có bao gồm các điều khoản đầu tư. Hiệp định thương mại tự do Thái Lan - Úc dự kiến sẽ mở đường cho các doanh nghiệp Thái Lan đầu tư sang Australia.

Chính phủ Thái Lan cũng khuyến khích đầu tư của các doanh nghiệp Thái vào kết cấu hạ tầng, như xây dựng cầu đường, trong nhiều tiểu khu vực hợp tác kinh tế khác nhau mà Thái Lan là thành viên. Các khu vực tiểu vùng này bao gồm: Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), Sáng kiến Vịnh Bengal cho Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Đa ngành (BIMST-EC) và Ayeyawady-Chao Phraya, Chiến lược Hợp tác Kinh tế Mekong (ACMECS).

Với hàng loạt các hiệp định đầu tư song phương và đa phương, đây là cơ hội để các doanh nghiệp Thái Lan đầu tư sang các nước đã được ký kết, khi đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Thái Lan sẽ khai thác tiềm năng của nước đó, các lĩnh vực đầu tư được mở rộng đa dạng hơn.

Hỗ trợ tài chính tín dụng

Chính phủ khuyến khích các công ty Thái Lan thực hiện OFDI, ví dụ thông qua việc cung cấp các cơ sở tài chính, đã ảnh hưởng đến việc quốc tế hóa các doanh nghiệp Thái Lan. Hội nhập khu vực trong ASEAN và mong muốn của một số công ty Thái Lan để nâng cao kinh nghiệm khu vực của họ cũng góp phần vào sự phát triển gần đây trong OFDI của Thái Lan.

Ngân hàng Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Thái Lan (EXIM) cung cấp nhiều dịch vụ và cơ sở tài chính khác nhau để hỗ trợ việc quốc tế hóa của các doanh nghiệp Thái Lan thông qua OFDI. Ngân hàng này đã tham gia vào quan hệ đối tác với các tổ chức học thuật hàng đầu trong nước và Liên đoàn Công nghiệp Thái Lan để tăng năng lực của các doanh nghiệp Thái Lan thực hiện OFDI. Ngân hàng và Liên đoàn Công nghiệp Thái Lan cùng xúc tiến đầu tư Thái Lan và hỗ trợ ngành công nghiệp ra nước ngoài bằng cách cung cấp các cơ sở tài chính và thông tin về các cơ hội đầu tư trên toàn thế giới.

Bộ Tài chính cũng hỗ trợ cho OFDI thông qua các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và giảm thuế. Năm 2004, Chính phủ đã phê duyệt một luật thuế mới, bao gồm điều khoản cho phép các công ty Thái Lan chuyển lợi nhuận từ nước ngoài để được miễn thuế trách nhiệm.

Những ưu đãi cho các dự án đầu tư ra nước ngoài cho thấy sự chủ động hội nhập nền kinh tế toàn cầu, đồng thời nắm vị trí dẫn đầu trong các nền kinh tế thuộc Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC). Điều này thể hiện qua việc cung cấp ưu đãi đầu tư cho các công ty mẹ đóng tại Thái Lan (gọi là Regional Operating Headquarters - ROH). Theo đó, nếu các ROH nắm giữ ít nhất 25% vốn tại các công ty con ở nước ngoài và tiến hành các dịch vụ hỗ trợ (như quản lý, nghiên cứu thị trường, mua sắm, marketing, chuyển giao công nghệ), có trên 50% doanh thu từ các hoạt động đầu tư ra nước ngoài thì sẽ được hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% đối với lợi nhuận từ kinh doanh, tiền bản quyền, lãi và được miễn thuế đối với tiền cổ tức thu được từ nước ngoài. Ngoài ra, người nước ngoài làm việc cho ROH sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân nếu thu nhập đó phát sinh từ các hoạt động ngoài Thái Lan.

Nhờ có chính sách thuế đối với ROH, nhiều công ty đa quốc gia chuyên về sản xuất đang cân nhắc dời trụ sở vùng từ Singapore sang Bangkok. Điều đó cũng sẽ làm tăng số công ty mẹ tại Thái Lan và về lâu dài, tiền sẽ quay về nước này để tái đầu tư.

Chính phủ Thái Lan khuyến khích, hỗ trợ tối đa lần sống OFDI này bằng cách giảm mạnh thuế thu nhập cho các doanh nghiệp từ 30% xuống chỉ còn 23% bắt

đầu từ tháng 01/2012 và tiếp tục giảm xuống 20% vào năm 2013. Ngoài ra, mức độ ổn định trong đầu tư ra nước ngoài của các công ty Thái Lan có được một phần nhờ chính sách quản lý vốn cởi mở của BOT thực thi từ năm 2007.

Hỗ trợ hoạt động đầu tư, kinh doanh

BOI đã hỗ trợ OFDI từ năm 1991 và tổ chức các hoạt động OFDI, cũng như các hội thảo FDI ở Thái Lan và các nước chủ nhà. Cơ quan này cũng cung cấp hướng dẫn cho các công ty Thái Lan về đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là ở các nước láng giềng. Các dịch vụ và hỗ trợ khác do BOI cung cấp bao gồm kết nối kinh doanh và hỗ trợ tại các quốc gia do các chuyên gia tư vấn quản lý có chuyên môn và kinh nghiệm về quốc gia thực hiện.

BOI đã nhằm mục tiêu với ba cụm ngành công nghiệp để thúc đẩy OFDI. Cụm đầu tiên bao gồm các ngành được coi là thúc đẩy Thái Lan trở thành một trung tâm của khu vực và có tác động có lợi đến phát triển kinh tế của Thái Lan, bao gồm: hóa dầu, khí tự nhiên/năng lượng, phụ tùng ô tô, kinh doanh nông nghiệp và các bộ phận điện. Cụm thứ hai bao gồm các ngành đã bị hạn chế trong việc mở rộng thị trường trong nước, chẳng hạn như: thủy sản, dệt may, chăn nuôi và trang sức. Nhóm cuối cùng bao gồm các ngành có tiềm năng toàn cầu, như: viễn thông, bất động sản công nghiệp, xây dựng, thức ăn gia súc, đường, nhựa, sản phẩm da, du lịch và kinh doanh nhà hàng và khách sạn.

Bộ Ngoại giao cung cấp hỗ trợ phát triển ở nước ngoài và hợp tác kỹ thuật với các nước khác, đặc biệt là các nước láng giềng. Sự hỗ trợ này giúp nâng cao kinh nghiệm của Thái Lan ở các nước nhận và tạo cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp Thái Lan.

Hiệp hội Doanh nghiệp Thái Lan, Liên đoàn các ngành công nghiệp Thái Lan và Ban Thương mại Thái Lan đã cùng hợp tác hỗ trợ OFDI của Thái Lan. Điều này được thực hiện thông qua việc tổ chức các chuyến thăm kinh doanh ở nước ngoài, hội thảo kinh doanh và đối thoại với các hiệp hội doanh nghiệp của các quốc gia khác.

MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong năm 2018, cả

nước có 149 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký OFDI, với tổng vốn đầu tư bên Việt Nam 376,1 triệu USD; có 35 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn đầu tư bên Việt Nam tăng thêm 56 triệu USD. Tính chung trong 12 tháng năm 2018, tổng vốn OFDI của Việt Nam cấp mới và tăng thêm đạt 432,1 triệu USD.

Trong năm 2018, Việt Nam đã thực hiện OFDI sang 38 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong đó, Lào là địa bàn dẫn đầu với 81,5 triệu USD, chiếm 18,8% tổng vốn đầu tư. Australia xếp thứ hai với 55,5 triệu USD, chiếm 12,8% tổng vốn đầu tư. Hoa Kỳ xếp thứ ba với tổng vốn đầu tư 52,9 triệu USD, chiếm 12,2% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Campuchia, Slovakia, Cuba.

Trong năm 2018, lĩnh vực tài chính ngân hàng dẫn đầu về OFDI của Việt Nam với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm là 105,7 triệu USD, chiếm 24,4% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đứng thứ hai với 82,9 triệu USD và chiếm 19,1% tổng vốn đầu tư; nông, lâm nghiệp, thủy sản đứng thứ ba với 52,3 triệu USD, chiếm 12,1% tổng vốn đầu tư. Còn lại là các dự án thuộc các lĩnh vực khác.

Bên cạnh những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam, cho các quốc gia và cộng đồng tiếp nhận đầu tư, thì OFDI của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Điển hình như: Những khác biệt về văn hóa, pháp luật, môi trường giữa Việt Nam và các quốc gia tiếp nhận đầu tư này đã dẫn đến các tranh chấp ngoài mong muốn, ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án, quyền và lợi ích của người dân địa phương cũng như hình ảnh của nhà đầu tư Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; Nhiều doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài kinh doanh, nhưng hoạt động còn mang tính

tự phát, do đó rất dễ xảy ra tranh chấp; Tiềm lực tài chính cũng là yếu tố cản trở cơ hội OFDI của nhiều doanh nghiệp.

Từ nghiên cứu trường hợp OFDI của Thái Lan, có thể rút ra một số đề xuất về chính sách cho Việt Nam trong quá trình hỗ trợ doanh nghiệp OFDI, cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước cần tạo lập môi trường đầu tư, hành lang pháp lý, tạo khuôn khổ cho các hoạt động OFDI của doanh nghiệp thông qua quá trình từng bước ban hành hệ thống pháp luật, tăng cường các hoạt động ngoại giao, tích cực đàm phán ký kết các hiệp định song phương, đa phương về thương mại, đầu tư, hiệp định tránh đánh thuế hai lần nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư khi thực hiện hoạt động OFDI.

Hai là, trong quá trình thực hiện OFDI của các doanh nghiệp, Nhà nước cần định hướng, điều tiết để hoạt động đầu tư có trọng điểm, phù hợp với mỗi khu vực, nước đầu tư, ngành nghề lĩnh vực đầu tư. Các hoạt động định hướng điều tiết của Chính phủ có thể được thực hiện thông qua các chính sách ngoại hối, chính sách tiền tệ, chính sách thương mại quốc tế. Chiến lược định hướng hoạt động OFDI của Chính phủ cần căn cứ trên cơ sở tiềm lực kinh tế, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, nguồn tài nguyên, quy mô của thị trường nước sở tại.

Ba là, Chính phủ cần có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xúc tiến OFDI để tăng cường cung cấp thông tin và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại; thành lập các quỹ đầu tư, các ngân hàng tại nước ngoài, các cơ quan hỗ trợ đầu tư nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp OFDI thông qua việc cho vay ưu đãi, bảo hiểm đầu tư... Khi các doanh nghiệp nắm rõ môi trường, chính sách đầu tư của nước sở tại, cùng với những thông tin đầy đủ, chính xác về cơ hội đầu tư, tìm kiếm đối tác phù hợp để khai thác lợi thế của mình, khi đó doanh nghiệp sẽ xây dựng chiến lược đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

Bốn là, Nhà nước cần nghiên cứu, xem xét và thực hiện một lượng vốn hỗ trợ phát triển ODA vào các thị trường tiềm năng nhằm mở đường cho vốn OFDI của doanh nghiệp, tăng cơ hội đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng, nhân lực của nước sở tại, tạo điều kiện thuận lợi mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp khi OFDI. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) (2018). *Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài năm 2018*
2. Nguyễn Thị Kiều Oanh (2017). *Vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của DN Việt Nam*, *Tạp chí Tài chính*, số 6/2017
3. Ngân hàng Thái Lan (BOT) (2005-2018). *Số liệu về vốn OFDI*, truy cập từ <https://www.bot.or.th/English/Pages/default.aspx>
4. Ủy ban Đầu tư Thái Lan (BOI) (2018). *Kế hoạch chiến lược 5 năm 2013-2017 về đầu tư*
5. UNCTAD (2006). *FDI from Developing and Transition Economies: Implications for Development*